

CÁC BỘ

BỘ NỘI VỤ

BỘ NỘI VỤ

Số: 84/2005/QĐ-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi)
Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL ngày 20 tháng 5 năm 1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi) Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2005.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG

Thứ trưởng

Đặng Quốc Tiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI) HỘI NGHỆ SĨ MÚA VIỆT NAM

*(ban hành theo Quyết định số 84/2005/QĐ-BNV**ngày 18 tháng 8 năm 2005 của Bộ Nội vụ)**Chương I*TÊN GỌI, MỤC ĐÍCH, PHẠM VI
HOẠT ĐỘNG VÀ NGUYÊN TẮC
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI**Điều 1. Tên gọi**

1. Tên gọi chính thức của Hội là: Hội nghệ sĩ múa Việt Nam

2. Tên giao dịch bằng Anh ngữ: THE VIETNAM DANCE ARTIST ASSOCIATION.

Điều 2. Tôn chỉ mục đích

1. Hội nghệ sĩ múa Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của những người hoạt động nghệ thuật múa chuyên nghiệp, có trình độ nghề nghiệp vững vàng, tự nguyện tham gia các hoạt động của Hội.

2. Hội nghệ sĩ múa Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam hoạt động theo đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng; chịu sự quản lý của Nhà nước. Hội tổ chức, hoạt động theo Điều lệ và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Hội nghệ sĩ múa Việt Nam tổ chức, tập hợp, động viên những người làm công tác múa hoạt động sáng tạo trên tinh thần phát huy truyền thống múa dân tộc, tiếp thu tinh hoa nghệ thuật thế giới nhằm tạo ra nhiều tài năng, công trình, tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Phấn đấu xây dựng nền nghệ thuật múa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4. Hội nghệ sĩ múa Việt Nam bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên và chính trị, xã hội và hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Phạm vi hoạt động

Hội nghệ sĩ múa Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước và có quan hệ trao đổi nghệ thuật múa với các tổ chức tương ứng của các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Hội

Hội nghệ sĩ múa Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện.

dân chủ, quyết định theo đa số, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, phát huy vai trò chủ động sáng tạo của hội viên trên cơ sở điều lệ Hội.

Điều 5. Mỗi quan hệ

1. Hội nghệ sĩ múa Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là thành viên của Liên hiệp các Hội văn học - nghệ thuật Việt Nam.

2. Hội có quan hệ về hoạt động chuyên môn với các Hội văn học - nghệ thuật chuyên ngành trung ương và các Hội văn học - nghệ thuật địa phương.

3. Hội có quan hệ hữu nghị và trao đổi, hợp tác về nghệ thuật múa với các tổ chức nghệ thuật, các nghệ sĩ tiến bộ trên thế giới và khu vực, trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Điều 6. Trụ sở, tư cách pháp nhân của Hội

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu (dấu ướt, dấu nổi, dấu ướt thu nhỏ) và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

2. Trụ sở cơ quan Hội đặt tại thủ đô Hà Nội.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 7. Nhiệm vụ của Hội

1. Tổ chức các hoạt động nghệ thuật múa, tạo điều kiện cho hội viên sáng tạo nhằm thúc đẩy sự phát triển về mọi mặt của nghệ thuật múa Việt Nam;

2. Tuyên truyền, phổ biến và thực hiện đường lối, chính sách văn hóa - văn nghệ của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong hội viên và công tác Hội;

3. Nâng cao trình độ của hội viên về nhận thức tư tưởng và nghiệp vụ, đẩy mạnh công tác lý luận phê bình, đấu tranh chống những quan điểm, khuynh hướng nghệ thuật sai lầm, phản động đồi trụy;

4. Tham gia thẩm định, tư vấn về nghệ thuật múa cho các cơ quan, tổ chức có yêu cầu;

5. Tổ chức, tham gia hội thảo và nghiên cứu các đề tài khoa học về nghệ thuật múa;

6. Phối hợp với các cơ quan nhà nước và các đoàn thể trong việc nâng cao trình độ thẩm mỹ về nghệ thuật múa của quần chúng, đặc biệt trong thanh niên; góp phần nâng cao chất lượng và đẩy mạnh các hoạt động nghệ thuật múa quần chúng;

7. Đề xuất và kiến nghị với Đảng, Nhà nước về các chế độ chính sách đối với những người làm công tác nghệ thuật múa;

8. Mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị với các tổ chức nghệ thuật múa và các

nghệ sĩ múa tiến bộ trên thế giới theo đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước;

9. Tổ chức làm dịch vụ đúng nghề nghiệp của mình theo quy định của pháp luật;

10. Phát triển hội viên trong toàn quốc.

Điều 8. Quyền của Hội

1. Thành lập các cơ quan, đơn vị chức năng trực thuộc Hội và các Chi hội địa phương, Chi hội cơ sở theo quy định của pháp luật;

2. Tổ chức các hoạt động nghệ thuật múa trong nước và hợp tác với nước ngoài theo quy định của pháp luật;

3. Quản lý các cơ quan trực thuộc Hội, các Chi hội và quản lý hội viên trong cả nước theo quy định của Điều lệ Hội;

4. Khen thưởng và kỷ luật đối với các tổ chức, cơ quan trực thuộc Hội, Chi hội và hội viên;

5. Quyết định về tài chính, tài sản của Hội.

6. Nhận tài trợ của Nhà nước và các tổ chức kinh tế, xã hội trong nước và nước ngoài.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 9. Điều kiện trở thành hội viên

1. Là công dân Việt Nam hoạt động chuyên nghiệp trên các lĩnh vực nghệ thuật múa: sáng tác, nghiên cứu lý luận, giảng dạy, biểu diễn và công tác phong trào tự nguyện làm đơn gia nhập Hội và chấp hành Điều lệ Hội.

2. Trung thành với đường lối chính trị - văn hóa - văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam.

3. Có các tiêu chuẩn nghề nghiệp:

a) Hoạt động múa chuyên nghiệp từ 5 năm trở lên.

b) Đã có những thành tích nổi bật trong các lĩnh vực hoạt động nghệ thuật múa:

- Là người sáng tác, phải có một số tác phẩm có nội dung tốt và chất lượng nghệ thuật, được các đơn vị nghệ thuật công diễn.

- Là người nghiên cứu lý luận phải có một số công trình nghiên cứu khoa học, có tác dụng cho ngành múa.

- Là người huấn luyện phải có kinh nghiệm và kết quả giảng dạy tốt.

- Là người biểu diễn phải có trình độ nghiệp vụ vững vàng, diễn xuất sáng tạo.

- Là người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật quần chúng phải có hiệu quả cao về nghiệp vụ huấn luyện, đạo diễn và dàn dựng.

Điều 10. Hội viên

1. *Hội viên chính thức* là công dân Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn như đã quy định tại Điều 9.

2. *Hội viên danh dự* là người không trực tiếp hoạt động nghệ thuật múa nhưng có công lao đóng góp đặc biệt hiệu quả cho nền nghệ thuật múa và hoạt động của Hội.

3. *Hội viên tán trợ*: do Ban chấp hành quy định cụ thể.

Điều 11. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của Nhà nước, bảo vệ uy tín của Hội;

2. Không ngừng trau dồi nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghề nghiệp; chủ động tham gia các hoạt động nghệ thuật và công tác xây dựng Hội, góp phần xây dựng nền nghệ thuật múa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

3. Chấp hành điều lệ và các nghị quyết của Hội, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ do Hội hoặc Chi hội phân công; đoàn kết, hỗ trợ giúp nhau cùng tiến bộ;

4. Thông qua các hoạt động nghệ thuật của mình để góp phần vào việc phổ cập và nâng cao thẩm mỹ về nghệ thuật múa trong quần chúng;

5. Đóng hội phí đầy đủ theo quy chế hội viên.

Điều 12. Quyền lợi của hội viên

1. Được cấp Thẻ hội viên Hội nghệ sĩ múa Việt Nam;

2. Được quyền ứng cử, đề cử vào cơ quan lãnh đạo Hội, thảo luận tham gia vào các chủ trương, phương hướng hoạt động của Hội;

3. Được Hội tạo điều kiện sinh hoạt nghề nghiệp nâng cao kiến thức, trình độ nghiệp vụ; được Hội bảo vệ quyền lợi chính trị và nghề nghiệp, quyền tác giả, tác phẩm trên cơ sở hội viên ủy quyền cho Hội;

4. Được hưởng các chế độ khen thưởng theo quy định của Đảng, nhà nước và của Hội;

5. Có quyền xin ra Hội.

Điều 13. Thẻ thức vào Hội

1. Người có đủ điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều 9 muốn vào Hội phải tự nguyện viết đơn, làm hồ sơ theo mẫu do Ban chấp hành Hội quy định.

2. Ban Chấp hành là cơ quan xét quyết định kết nạp hội viên. Việc kết nạp hội viên mới phải được quá bán số Ủy viên Ban chấp hành nhất trí. Mỗi năm Hội tổ chức xét kết nạp hội viên 2 lần theo định kỳ họp Ban chấp hành.

3. Chủ tịch Hội ký quyết định kết nạp. Tuổi hội của hội viên được tính từ ngày ra quyết định.

Điều 14. Thẻ thức ra Hội

1. Hội viên muốn ra Hội, tự nguyện làm đơn gửi Ban chấp hành Hội.

2. Hội viên vi phạm pháp luật bị kết án tù cải tạo không giam giữ trở lên thì bị khai trừ ra khỏi Hội.

3. Hội viên vi phạm Điều lệ Hội, vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến uy tín Hội (nhưng chưa đến mức bị kết án như ở mục 2 - Điều 14 trên đây), không tham gia sinh hoạt, hoạt động Hội và không đóng hội phí từ 2 năm liền trở lên thì không được hưởng quyền lợi hội viên.

4. Các trường hợp khai trừ, xóa tên, xin ra Hội do Ban chấp hành quyết định. Trường hợp bị kỷ luật khai trừ, xóa tên phải trả lại Thẻ hội viên.

Chương IV

TỔ CHỨC HỘI

Điều 15. Tổ chức Hội

Cơ cấu tổ chức Hội nghệ sĩ múa Việt Nam bao gồm:

1. Cơ quan lãnh đạo Trung ương Hội:

- Ban chấp hành.
- Ban thường vụ.
- Ban kiểm tra.
- Hội đồng nghệ thuật.
- Văn phòng TW Hội.

2. Các đơn vị trực thuộc Hội:

- Văn phòng đại diện Hội khu vực phía Nam.

- Tạp chí chuyên ngành.

- Các Chi hội.

Trong trường hợp cần thiết, Hội được thành lập các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Đại hội toàn quốc

1. Đại hội toàn quốc là cơ quan quyền lực cao nhất của Hội nghệ sĩ múa Việt Nam.

2. Đại hội toàn quốc gồm 2 cấp: Đại hội cơ sở và Đại hội đại biểu toàn quốc.

3. Nhiệm kỳ Đại hội toàn quốc là 5 năm. Trong trường hợp đặc biệt, Đại hội có thể tiến hành sớm hơn hoặc muộn hơn, nhưng không quá 1 năm so với thời gian của một nhiệm kỳ và phải được thông báo đến toàn thể hội viên.

Đại hội bất thường chỉ được triệu tập khi có trên 50% hội viên hoặc trên 2/3 số Ủy viên Ban chấp hành nhất trí, hoặc do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Ban chấp hành quyết định triệu tập Đại hội.

4. Nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc:

- Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, phương hướng hoạt động nhiệm kỳ mới;

- Thảo luận sửa đổi Điều lệ (nếu cần);

- Quyết toán tài chính nhiệm kỳ qua;

- Bầu Ban chấp hành trung ương Hội;

- Xây dựng và thông qua nghị quyết Đại hội.

Điều 17. Thể thức bầu, bãi miễn đại biểu của Đại hội đại biểu toàn quốc

1. Đại biểu chính thức, dự Đại hội đại biểu toàn quốc là:

- Hội viên được Đại hội cơ sở bầu cử làm đại biểu. (Mỗi hội viên chỉ được tham gia bầu cử đại biểu ở 1 Đại hội cơ sở).

- Hội viên là Ủy viên Ban chấp hành, Ban kiểm tra đương nhiệm là đại biểu đương nhiên.

- Hội viên được Ban chấp hành chỉ định triệu tập (nhưng không quá 5% số lượng đại biểu thông qua bầu cử).

2. Số lượng đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc được tính theo tỷ lệ hội viên của các Đại hội cơ sở. Địa phương không đủ số hội viên để thành lập Chi hội, sẽ do Ban chấp hành quyết định triệu tập.

3. Trường hợp khuyết đại biểu chính thức thì Ban tổ chức Đại hội sẽ triệu tập số đại biểu dự khuyết tương ứng đi thay và trở thành đại biểu chính thức (theo thứ tự danh sách đại biểu dự khuyết của đơn vị bầu cử).

4. Đại biểu chính thức vi phạm các quy định về tiêu chuẩn đại biểu sẽ do Ban kiểm tra tư cách đại biểu đề nghị và được Đại hội đại biểu toàn quốc biểu quyết, với trên 50% số đại biểu nhất trí bãi miễn quyền đại biểu.

5. Đại biểu chính thức có quyền phát biểu ý kiến, ứng cử, đề cử và bầu cử tại Đại hội đại biểu toàn quốc.

Điều 18. Ban chấp hành

1. Ban chấp hành là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội giữa 2 kỳ Đại hội.

2. Ban chấp hành do Đại hội bầu trực tiếp tại Đại hội đại biểu toàn quốc. Số lượng Ủy viên Ban chấp hành do Đại hội quyết định.

3. Ban chấp hành bầu Chủ tịch, các Phó chủ tịch, các Ủy viên Ban thường vụ, Ban kiểm tra và Trưởng ban kiểm tra, Hội đồng nghệ thuật và Chủ tịch Hội đồng nghệ thuật bằng phiếu kín.

4. Ban chấp hành lãnh đạo thực hiện nghị quyết Đại hội, đề ra các chủ trương, kế hoạch, biện pháp hoạt động Hội, lập dự toán và quyết toán tài chính, kết nạp hội viên mới, khen thưởng và kỷ luật trong Hội... Hội nghị Ban chấp hành họp theo định kỳ 6 tháng 1 lần.

5. Ban chấp hành quyết định miễn nhiệm Ủy viên Ban chấp hành khi có Ủy viên nộp đơn xin miễn nhiệm, hoặc do Chủ tịch Hội đề xuất và phải được quá bán số Ủy viên Ban chấp hành nhất trí bằng phiếu kín.

6. Trong trường hợp cần thiết, Ban chấp hành có quyền bầu bổ sung Ủy viên chấp hành, thay thế cho số lượng Ủy viên bị khuyết của Ban chấp hành.

7. Phương thức tiến hành phiên họp

đầu tiên của Ban chấp hành: Người trúng cử Ban chấp hành có số phiếu cao nhất triệu tập các Ủy viên Ban chấp hành bầu Chủ tịch. Sau đó, Chủ tịch điều hành cuộc họp Ban chấp hành bầu tiếp các chức danh khác của Hội.

Điều 19. Ban thường vụ

1. Ban thường vụ là cơ quan lãnh đạo điều hành Hội giữa 2 kỳ họp của Ban chấp hành. Ban thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó chủ tịch và một số Ủy viên thường vụ. Số lượng Ủy viên Ban thường vụ do Ban chấp hành quy định nhưng phải thấp hơn 1/2 số lượng Ban chấp hành.

2. Ban thường vụ thực hiện mọi công việc của Hội theo nghị quyết của Ban chấp hành, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ phụ trách các cơ quan hành chính, nghiệp vụ trực thuộc Hội.

3. Việc bầu cử và miễn nhiệm Ủy viên Ban thường vụ phải được quá bán số Ủy viên Ban chấp hành nhất trí.

4. Ban thường vụ họp định kỳ 3 tháng 1 lần; Trường hợp đột xuất do Chủ tịch Hội triệu tập.

Điều 20. Chủ tịch.

1. Chủ tịch là thủ trưởng của cơ quan Hội, là đại diện của Hội về mặt pháp lý; Chủ tịch Hội chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động của Hội.

2. Chủ tịch do Ban chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban chấp hành.

3. Chủ tịch giới thiệu danh sách các Phó chủ tịch và Ủy viên Ban thường vụ để Ban chấp hành bầu cử.

4. Chủ tịch giới thiệu danh sách Ban kiểm tra, Hội đồng nghệ thuật của Hội để Ban chấp hành bầu cử.

Các Ủy viên Ban chấp hành có quyền ứng cử, đề cử các chức danh nói trên.

5. Khi khuyết Chủ tịch hoặc phải miễn nhiệm Chủ tịch, Ban chấp hành bầu Chủ tịch mới từ các Ủy viên Ban chấp hành bằng phiếu kín và phải được quá bán số Ủy viên Ban chấp hành nhất trí.

6. Kết quả bầu cử được thông báo đến toàn thể hội viên.

Điều 21. Phó chủ tịch

1. Phó chủ tịch là người giúp Chủ tịch phụ trách từng phần việc cụ thể và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch về các quyết định của mình trong phạm vi được giao.

2. Phó chủ tịch thường trực thay mặt Chủ tịch giải quyết các công việc khi Chủ tịch vắng mặt và sau đó phải báo cáo lại cho Chủ tịch biết.

Điều 22. Ban kiểm tra

1. Ban kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, điều lệ Hội; Đề xuất các biện pháp giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo các sai phạm của hội viên và các thành viên cơ quan Hội để Ban chấp hành xem xét giải quyết. Trong trường hợp đặc biệt, Ban

kiểm tra kiến nghị Ban chấp hành đề nghị cơ quan pháp luật và quản lý nhà nước can thiệp.

2. Số lượng Ban kiểm tra do Ban chấp hành quyết định; Trưởng ban kiểm tra phải là Ủy viên Ban chấp hành.

3. Việc bổ sung hoặc miễn nhiệm Ủy viên Ban kiểm tra do Ban chấp hành hoặc Ban kiểm tra đề nghị và phải được quá bán số Ủy viên Ban chấp hành nhất trí bằng phiếu kín.

4. Nhiệm kỳ Ban kiểm tra theo nhiệm kỳ của Ban chấp hành. Ban kiểm tra họp định kỳ 6 tháng 1 lần, trường hợp đột xuất do Trưởng ban triệu tập.

Điều 23. Hội đồng nghệ thuật

1. Hội đồng nghệ thuật gồm các nghệ sĩ có trình độ chuyên môn tiêu biểu trên các lĩnh vực sáng tác, nghiên cứu, giảng dạy và biểu diễn, nắm vững các hoạt động và phương hướng chung trong ngành múa cả nước, công tâm, nhiệt tình, trách nhiệm với công tác Hội.

2. Số lượng Ủy viên Hội đồng nghệ thuật do Ban chấp hành quy định; Chủ tịch Hội đồng nghệ thuật phải là thành viên trong Ban chấp hành; Phó Chủ tịch Hội đồng nghệ thuật do Hội đồng nghệ thuật bầu, Chủ tịch Hội ký quyết định.

3. Hội đồng nghệ thuật có chức năng tư vấn cho lãnh đạo Hội quyết định những vấn đề lớn thuộc công tác chuyên môn.

4. Việc miễn nhiệm hoặc bổ sung Ủy

viên Hội đồng nghệ thuật do Ban chấp hành hoặc Hội đồng nghệ thuật đề nghị và phải được quá bán số Ủy viên Ban chấp hành nhất trí.

5. Trong trường hợp cần thiết, Ban thường vụ có thể tổ chức Ban tư vấn về các lĩnh vực chuyên ngành giúp việc cho Hội đồng nghệ thuật.

Điều 24. Chi hội

1. Chi hội là tổ chức cơ sở của Hội nghệ sĩ múa Việt Nam đồng thời là thành viên tập thể trong Hội văn học nghệ thuật địa phương.

2. Chi hội chịu sự lãnh đạo, quản lý của cấp ủy, chính quyền địa phương; Phối hợp hoạt động theo kế hoạch chung của Hội văn học nghệ thuật địa phương và sự chỉ đạo kế hoạch chuyên ngành của Hội nghệ sĩ múa Việt Nam.

3. Các địa phương, khu vực, đơn vị có từ 5 hội viên trở lên được thành lập Chi hội. Việc thành lập Chi hội do Ban chấp hành Hội nghệ sĩ múa Việt Nam quyết định trên cơ sở đồng tình của Hội văn học nghệ thuật địa phương và sự chấp thuận của cấp ủy, chính quyền địa phương.

4. Ban chấp hành Chi hội do Đại hội Chi hội bầu bằng phiếu kín; Chi hội trưởng, Chi hội phó do Đại hội Chi hội bầu trực tiếp; Chủ tịch Hội nghệ sĩ múa Việt Nam ra quyết định công nhận. Trường hợp miễn nhiệm hoặc thay thế cán bộ Chi hội phải do đa số hội viên đề nghị.

5. Quy chế hoạt động Chi hội do Ban chấp hành Hội quy định.

Chương V

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 25. Các nguồn tài chính của Hội

- Hội phí do hội viên đóng góp.
- Ngân sách nhà nước cấp, hỗ trợ.
- Tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.
- Hoạt động có thu của các tổ chức, cơ quan Hội

Điều 26. Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội

1. Hội thực hiện quản lý tài sản, tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản và tài chính Hội được giao cho các cơ quan trực thuộc Hội quản lý, sử dụng cho mục đích đã được quy định trong chức năng của đơn vị. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Ban chấp hành về quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của đơn vị và định kỳ báo cáo Ban chấp hành.

3. Việc điều chuyển tài sản và tài chính của các cơ quan trực thuộc Hội do Ban chấp hành quyết định.

4. Tài sản và tài chính của Hội được sử dụng cho các mục đích hoạt động theo kế hoạch chung của Hội do Ban chấp hành

quyết định và phải được thông báo công khai, định kỳ hàng năm.

5. Hội giải thể trong các trường hợp: Hội tự giải thể hoặc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định giải thể. Việc giải quyết tài sản, tài chính của Hội khi giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 27. Khen thưởng

1. Hội viên và các tổ chức, cơ quan trực thuộc Hội có thành tích trong các hoạt động của Hội được Hội trực tiếp khen thưởng: tặng Bằng khen, tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp nghệ thuật múa Việt Nam” và làm thủ tục đề nghị Nhà nước, các ngành, các cấp xét tặng các giải thưởng nhà nước, danh hiệu vinh dự nhà nước và các hình thức khen thưởng khác.

2. Người không phải là hội viên nhưng có nhiều công lao đóng góp, hỗ trợ tích cực cho sự phát triển nghệ thuật múa Việt Nam sẽ được Hội xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp nghệ thuật múa Việt Nam”.

Điều 28. Kỷ luật

1. Hội viên vi phạm pháp luật và Điều lệ Hội sẽ bị thi hành các mức kỷ luật sau: khiển trách, cảnh cáo, xóa tên, khai trừ khỏi Hội.

2. Việc thi hành kỷ luật do Ban kiểm tra đề nghị và Ban chấp hành quyết định.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Thể thức bổ sung, sửa đổi Điều lệ

Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc Hội

nghệ sĩ múa Việt Nam mới có quyền bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 7 chương, 30 điều đã được thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2005 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Hội nghệ sĩ múa VN.

2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ Nội vụ./.